

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 42

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chần, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh lần lượt tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch
Ông Lee Jae Eun	Thành viên
Ông Yu Sung Dae	Thành viên
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên
Ông Lee Bang Hyun	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hường	Thành viên

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có hai công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11453398/67061582/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

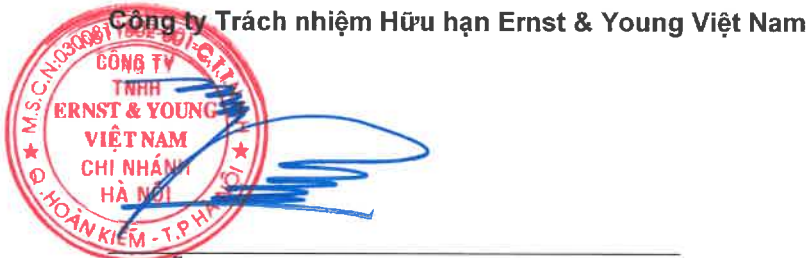
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		922.932.603.900	1.006.357.330.623
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	23.506.232.054	54.187.527.306
111	1. Tiền		16.164.573.604	37.111.751.659
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.341.658.450	17.075.775.647
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		290.569.551.995	344.906.525.321
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	59.629.354.831
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(17.934.911.660)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	290.569.551.995	303.212.082.150
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		181.301.805.157	230.376.814.589
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	155.330.547.906	183.249.582.129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	31.245.464.875	40.316.492.714
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	24.894.886.294	34.290.682.778
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(30.169.093.918)	(27.479.943.032)
140	IV. Hàng tồn kho	9	397.730.598.841	370.004.854.237
141	1. Hàng tồn kho		426.035.097.170	399.031.985.301
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(28.304.498.329)	(29.027.131.064)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.824.415.853	6.881.609.170
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.913.580.137	3.783.070.296
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		27.910.835.716	3.098.538.874

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

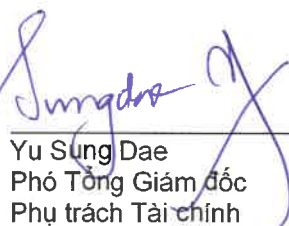
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		570.605.436.967	438.745.765.065
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.373.500.304	2.528.912.336
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.373.500.304	2.528.912.336
220	II. Tài sản cố định		148.417.252.583	150.521.910.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	148.015.080.553	149.974.198.369
222	Nguyên giá		603.922.774.266	594.586.605.282
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(455.907.693.713)	(444.612.406.913)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	402.172.030	547.711.782
228	Nguyên giá		41.013.062.876	41.013.062.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.610.890.846)	(40.465.351.094)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		198.272.959.056	64.280.616.346
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	198.272.959.056	64.280.616.346
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	63.281.249.521	63.281.249.521
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.285.000.000	74.285.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		11.590.390.000	11.590.390.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.974.200.000	4.974.200.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(27.568.340.479)	(27.568.340.479)
260	V. Tài sản dài hạn khác		158.260.475.503	158.133.076.711
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	136.972.254.352	136.827.519.145
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.3	21.288.221.151	21.305.557.566
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.493.538.040.867	1.445.103.095.688

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		505.933.175.316	420.842.515.432
310	I. Nợ ngắn hạn		336.095.989.347	318.616.144.844
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	75.917.354.680	59.260.660.160
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	18.586.589.577	18.592.271.299
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	8.908.891.514	17.305.373.343
314	4. Phải trả người lao động		21.748.240.115	28.196.167.408
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.824.969.332	1.590.412.575
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		48.290.471	182.895.926
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.029.110.491	1.072.716.630
320	8. Vay ngắn hạn	19	208.032.543.167	192.415.647.503
330	II. Nợ dài hạn		169.837.185.969	102.226.370.588
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	17.139.639.020	17.635.237.921
338	2. Vay dài hạn	19	152.697.546.949	84.591.132.667
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		987.604.865.551	1.024.260.580.256
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	987.604.865.551	1.024.260.580.256
411	1. Vốn cổ phần		419.797.730.000	419.797.730.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.2	184.195.877.847	184.195.877.847
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.5	6.019.731.233	1.708.511.408
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	377.591.526.471	418.558.461.001
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		367.847.931.120	330.409.731.903
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.743.595.351	88.148.729.098
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.493.538.040.867	1.445.103.095.688


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng tài chính kế toán


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


CÔNG TY
CỔ PHẦN
EVERPIA
Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc


Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	349.681.760.295	472.292.766.819
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(706.784.822)	(387.447.153)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	348.974.975.473	471.905.319.666
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(244.908.280.424)	(314.469.761.000)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		104.066.695.049	157.435.558.666
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	29.547.512.329	15.302.347.768
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(8.322.060.962) (5.934.063.147)	(27.598.078.565) (3.088.276.720)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(75.259.750.331)	(75.116.889.906)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(37.990.407.567)	(35.954.162.051)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.041.988.518	34.068.775.912
31	11. Thu nhập khác		697.434.448	212.089.924
32	12. Chi phí khác		(13.831.221)	(135.951.203)
40	13. Lợi nhuận khác		683.603.227	76.138.721
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.725.591.745	34.144.914.633
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.964.659.980)	(7.513.785.617)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(17.336.414)	373.043.567
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.743.595.351	27.004.172.583


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng tài chính kế toán


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính




Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023


Đơn vị tính: VND

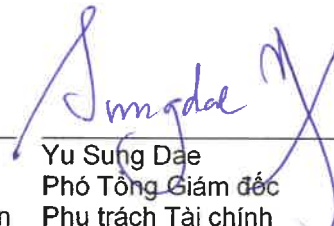
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		12.725.591.745	34.144.914.633
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		13.340.560.456	20.624.212.348
03	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(15.968.393.509)	23.886.449.607
04	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.009.818.392)	1.971.686.373
05	Chi phí lãi vay		(26.264.588.637)	(9.903.660.694)
06		24	5.934.063.147	3.088.276.720
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.242.585.190)	73.811.878.987
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		5.493.314.081	(25.421.967.334)
10	Tăng hàng tồn kho		(27.003.111.869)	(23.988.259.790)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		10.107.660.816	(10.264.352.875)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.724.754.952	(428.190.953)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		59.629.354.831	61.855.490.642
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.967.837.090)	(3.073.547.104)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.930.718.031)	(8.396.768.130)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(267.521.904)	(451.243.700)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.543.310.596	63.643.039.743
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(127.869.894.411)	(66.394.038.450)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		537.272.727	843.358.284
23	Tiền chi đầu tư ngắn hạn		(290.569.551.995)	(183.302.301.853)
24	Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn		303.212.082.150	252.600.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và đầu tư ngắn hạn		25.258.468.823	9.875.358.900
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(89.431.622.706)	13.622.376.881

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		319.017.361.300	235.048.765.984
34	Tiền trả nợ gốc vay		(236.311.564.375)	(172.724.921.701)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(46.131.788.152)	(41.031.361.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		36.574.008.773	21.292.482.833
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(32.314.303.337)	98.557.899.457
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		54.187.527.306	49.634.206.005
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.633.008.085	427.817.667
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	23.506.232.054	148.619.923.129


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng tài chính kế toán


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chần, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh lần lượt tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.198 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.209 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2 công ty con), thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	Phòng số A408-Hyeondae Knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc	Kinh doanh các nguyên vật liệu để sản xuất chần ga trải giường, gối và nệm.
2	Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam	80%	80%	Tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, và đầu tư khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty cũng có công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2023. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 25 tháng 8 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kê toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng của diện tích đất nhà máy đã thuê tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	22 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền vào ngày 9 tháng 9 năm 2021 trong thời hạn 48 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí của báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày góp vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã thuê để xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính trong tương lai để trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, và đệm. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chăn, ga, và đệm chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong kỳ và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	267.620.844	147.458.108
Tiền gửi ngân hàng	15.896.952.760	37.094.185.251
Các khoản tương đương tiền (*)	7.341.658.450	16.945.883.947
TỔNG CỘNG	<u>23.506.232.054</u>	<u>54.187.527.306</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và trái phiếu niêm yết (có cam kết mua lại) kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 7,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất từ 3,8%/năm đến 6,0%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 4,7%/năm đến 10,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,8%/năm đến 11,5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu của khách hàng	155.330.547.906	183.249.582.129
TỔNG CỘNG	<u>155.330.547.906</u>	<u>183.249.582.129</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.716.101.301)	(16.026.950.415)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công ty cổ phần YoungJin E&C	1.499.176.664	20.340.368.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	4.753.221.285	4.568.687.508
Các đối tượng khác	24.993.066.926	15.407.437.206
TỔNG CỘNG	<u>31.245.464.875</u>	<u>40.316.492.714</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.349.845.417	11.349.845.417
Lãi tiền gửi	8.215.654.131	7.746.807.044
Tạm ứng cho nhân viên	4.412.166.343	3.051.958.040
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	-	11.353.286.408
Phải thu ngắn hạn khác	917.220.403	788.785.869
TỔNG CỘNG	24.894.886.294	34.290.682.778
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11.452.992.617)	(11.452.992.617)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.373.500.304	2.528.912.336
TỔNG CỘNG	2.373.500.304	2.528.912.336

8. NỢ XẤU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu khách hàng	40.718.738.870	22.002.637.569	27.138.830.869	11.111.880.454
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	-	11.452.992.617	-
TỔNG CỘNG	52.171.731.487	22.002.637.569	38.591.823.486	11.111.880.454

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi đường	2.452.633.500	-	7.158.568.051	-
Nguyên liệu, vật liệu	213.015.270.092	(14.320.172.867)	208.381.549.389	(14.320.172.867)
Thành phẩm	207.339.049.960	(13.984.325.462)	178.442.877.216	(14.706.958.197)
Hàng hóa	3.228.143.618	-	5.048.990.645	-
TỔNG CỘNG	426.035.097.170	(28.304.498.329)	399.031.985.301	(29.027.131.064)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	29.027.131.064	16.525.625.089
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	3.392.711.850
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(722.632.735)</u>	<u>(1.279.384.657)</u>
Số cuối kỳ	<u>28.304.498.329</u>	<u>18.638.952.282</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cổ định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	198.522.782.797	317.644.179.363	43.506.145.190	14.362.286.934	20.551.210.998	594.586.605.282	
- Mua trong kỳ	-	1.727.370.160	8.927.126.364	581.406.364	-	11.235.902.888	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.899.733.904)	-	-	(1.899.733.904)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	198.522.782.797	319.371.549.523	50.533.537.650	14.943.693.298	20.551.210.998	603.922.774.266	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	64.285.289.561	163.807.655.739	20.071.979.412	14.362.286.934	15.113.715.383	277.640.927.029	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	118.747.805.184	260.339.904.801	32.833.259.524	14.362.286.934	18.329.150.470	444.612.406.913	
- Khấu hao trong kỳ	2.893.050.942	8.431.820.730	1.444.241.993	186.219.522	239.687.517	13.195.020.704	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.899.733.904)	-	-	(1.899.733.904)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	121.640.856.126	268.771.725.531	32.377.767.613	14.548.506.456	18.568.837.987	455.907.693.713	
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	79.774.977.613	57.304.274.562	10.672.885.666	-	2.222.060.528	149.974.198.369	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	76.881.926.671	50.599.823.992	18.155.770.037	395.186.842	1.982.373.011	148.015.080.553	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một số tài sản cố định hữu hình đã được cầm cố làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	686.893.687	41.013.062.876
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	686.893.687	41.013.062.876
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	23.494.500.000	7.831.500.000	6.866.430.149	686.893.687	38.879.323.836
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	24.443.527.166	7.831.500.000	7.503.430.241	686.893.687	40.465.351.094
- Hao mòn trong kỳ	99.039.752	-	46.500.000	-	145.539.752
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	24.542.566.918	7.831.500.000	7.549.930.241	686.893.687	40.610.890.846
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	122.857.834	-	424.853.948	-	547.711.782
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	23.818.082	-	378.353.948	-	402.172.030

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí xây dựng nhà máy Giang Điền (*)	197.849.382.156	63.857.039.446
Hệ thống CNTT đang được cài đặt	423.576.900	423.576.900
TỔNG CỘNG	198.272.959.056	64.280.616.346

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, công trình xây dựng nhà máy Giang Điền đã được cầm cố làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	74.285.000.000	(15.425.858.966)	74.285.000.000	(15.425.858.966)	
- Công ty Cổ phần Everpia Korea	34.285.000.000	(15.425.858.966)	34.285.000.000	(15.425.858.966)	
- Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam (MAOF)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)	4.974.200.000	(552.091.513)	4.974.200.000	(552.091.513)	
TỔNG CỘNG	90.849.590.000	(27.568.340.479)	90.849.590.000	(27.568.340.479)	

Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vải cotton, sợi và hàng dệt kim	44%	44%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Texpia đang trong quá trình giải thể.

13.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4.014.200.000	4.014.200.000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960.000.000	960.000.000
TỔNG CỘNG	4.974.200.000	4.974.200.000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	553.833.334	2.417.931.422
Bảo hiểm cháy nổ	432.199.392	467.235.377
Phí quảng cáo	415.907.531	515.770.795
Khác	511.639.880	382.132.702
TỔNG CỘNG	1.913.580.137	3.783.070.296
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	116.277.895.739	117.802.409.903
Tiền thuê mặt bằng	8.418.102.303	10.404.457.765
Chi phí nội thất showroom	4.917.826.421	4.262.881.265
Thiết bị xuất dùng	3.616.756.090	3.030.217.512
Khác	3.741.673.799	1.327.552.700
TỔNG CỘNG	136.972.254.352	136.827.519.145

(*) Phần lớn là tiền thuê đất trả trước cho nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	64.971.905.814	64.971.905.814	47.584.978.542	47.584.978.542
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	10.945.448.866	10.945.448.866	11.675.681.618	11.675.681.618
TỔNG CỘNG	75.917.354.680	75.917.354.680	59.260.660.160	59.260.660.160

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.586.589.577	18.592.271.299
TỔNG CỘNG	18.586.589.577	18.592.271.299

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng	4.288.958.024	3.701.869.222	(4.326.445.211)	3.664.382.035
Thuế xuất và nhập khẩu	-	1.311.597.534	(1.311.597.534)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.931.183.138	2.964.659.980	(11.930.718.031)	2.965.125.087
Thuế thu nhập cá nhân	1.085.232.181	7.336.893.126	(6.523.681.609)	1.898.443.698
Các loại thuế khác	-	850.337.560	(469.396.866)	380.940.694
TỔNG CỘNG	17.305.373.343	16.165.357.422	(24.561.839.251)	8.908.891.514

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí xuất nhập khẩu	1.083.016.208	893.724.575
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	741.953.124	696.688.000
TỔNG CỘNG	1.824.969.332	1.590.412.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	445.183.331	352.227.174
Lãi vay phải trả	307.854.604	341.628.547
Phải trả ngắn hạn khác	276.072.556	378.860.909
	<u>1.029.110.491</u>	<u>1.072.716.630</u>
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	13.759.824.706	14.755.423.607
Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng	2.762.996.314	2.762.996.314
Phải trả dài hạn khác	616.818.000	116.818.000
	<u>17.139.639.020</u>	<u>17.635.237.921</u>
TỔNG CỘNG		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Phát sinh trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	188.737.772.170	188.737.772.170	232.774.887.073	(236.311.564.375)	1.017.513.021	186.218.607.889	186.218.607.889	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	3.677.875.333	3.677.875.333	18.136.059.945	-	-	21.813.935.278	21.813.935.278	
	192.415.647.503	192.415.647.503	250.910.947.018	(236.311.564.375)	1.017.513.021	208.032.543.167	208.032.543.167	
Dài hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	84.591.132.667	84.591.132.667	86.242.474.227	(18.136.059.945)	-	152.697.546.949	152.697.546.949	
	84.591.132.667	84.591.132.667	86.242.474.227	(18.136.059.945)	-	152.697.546.949	152.697.546.949	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	54.974.791.900	Kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	4% - 4,3%	Nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại các nhà máy Hưng Yên, Hà Nội và Đồng Nai.
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	131.243.815.989	Kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	6,2%-7,8%	Nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại các nhà máy Hưng Yên, Hà Nội và Đồng Nai.
	186.218.607.889			

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương			
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	174.511.482.227	Kỳ hạn 7 năm, đáo hạn từng phần từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 11 năm 2029. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5%	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định liên quan hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, Đồng Nai.
TỔNG CỘNG	174.511.482.227			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	21.813.935.278			
Vay dài hạn	152.697.546.949			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	4.359.780.385	422.720.203.789	973.950.438.421
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	27.004.172.583	27.004.172.583
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	2.986.033.563	(2.986.033.563)	-
- Phát hành cổ phiếu quỹ	-	(10.590.472.350)	58.831.785.950	-	(48.241.313.600)	-
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(41.031.361.450)	(41.031.361.450)
- Giám khác	-	-	-	(451.243.700)	-	(451.243.700)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	419.797.730.000	192.482.251.897	(17.168.214.050)	6.894.570.248	357.465.667.759	959.472.005.854
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	419.797.730.000	184.195.877.847	-	1.708.511.408	418.558.461.001	1.024.260.580.256
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.743.595.351	9.743.595.351
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	-	-	-	4.578.741.729	(4.578.741.729)	-
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(46.131.788.152)	(46.131.788.152)
- Giám khác	-	-	-	(267.521.904)	-	(267.521.904)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	419.797.730.000	184.195.877.847	-	6.019.731.233	377.591.526.471	987.604.865.551

(*) Theo Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ2023/NQ ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty được thông qua: (i) chia cổ tức bằng tiền mặt ở mức 11% mệnh giá (1.100 đồng/cổ phiếu); và (ii) trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 cho quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847
	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847

20.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	46.131.788.152	41.031.361.450
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2022: 1.100 VND/cổ phiếu (2021: 1.000 VND/cổ phiếu)	46.131.788.152	41.031.361.450
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	-

20.4 Cổ phiếu

Số lượng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	41.979.773
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.979.773	41.979.773

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Các khoản phải thu đã xóa sổ		
- Phải thu Công ty Cổ phần Texpia (VND)	30.160.675.690	30.160.675.690
- Phải thu khác (VND)	2.389.798.881	2.389.798.881
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	305.974,06	548.756,84
- Euro (EUR)	593,53	86.856,31

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng doanh thu	349.681.760.295	472.292.766.819
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	349.681.760.295	472.292.766.819
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(706.784.822)	(387.447.153)
Doanh thu thuần	348.974.975.473	471.905.319.666

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.851.723.420	9.769.680.069
Lãi kinh doanh chứng khoán	10.435.133.750	2.327.953.304
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.690.368.178	3.080.930.066
Cổ tức, lợi nhuận được chia	440.458.740	123.784.329
Khác	129.828.241	-
TỔNG CỘNG	29.547.512.329	15.302.347.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn của hàng bán	244.908.280.424	314.469.761.000
TỔNG CỘNG	<u>244.908.280.424</u>	<u>314.469.761.000</u>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi vay	5.934.063.147	3.088.276.720
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	20.640.898.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.274.856.435	3.868.903.644
Chi phí tài chính khác	113.141.380	-
TỔNG CỘNG	<u>8.322.060.962</u>	<u>27.598.078.565</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Các khoản chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	35.954.492.185	32.865.685.533
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.791.750.210	32.507.536.265
- Chi phí nguyên vật liệu	1.847.276.991	2.404.455.480
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	513.438.650	1.228.078.387
- Chi phí khác	9.152.792.295	6.111.134.241
TỔNG CỘNG	<u>75.259.750.331</u>	<u>75.116.889.906</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	23.297.874.433	22.564.881.805
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	2.760.734.715	1.509.555.703
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.432.458.348	6.384.434.036
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.214.794.651	2.706.103.069
- Chi phí khác	3.284.545.420	2.789.187.438
TỔNG CỘNG	<u>37.990.407.567</u>	<u>35.954.162.051</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.334.483.616	196.766.264.573
Chi phí nhân công	134.062.884.881	86.237.191.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.108.609.687	41.842.875.613
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13.340.560.456	20.624.212.348
Chi phí khác	12.447.337.712	8.925.019.171
TỔNG CỘNG	<u>384.293.876.352</u>	<u>354.395.562.758</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.964.659.980	7.513.785.617
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	17.336.414	(373.043.567)
TỔNG CỘNG	<u>2.981.996.394</u>	<u>7.140.742.050</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	12.725.591.745	34.144.914.633
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.545.118.349	6.828.982.927
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	524.969.793	336.515.989
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(88.091.748)	(24.756.866)
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	2.981.996.394	7.140.742.050

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.489.695.170	11.951.864.991	537.830.179	236.301.890
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.660.899.666	5.805.426.213	(144.526.547)	422.665.439
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.751.964.941	2.951.084.721	(199.119.780)	(212.964.801)
Chi phí phân bổ dự phòng hoàn trả mặt bằng	552.599.260	552.599.260	-	55.259.926
Các chi phí khác	290.432.618	255.046.121	35.386.497	35.386.497
	21.745.591.655	21.516.021.305	229.570.349	536.648.951
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải thu, tiền	(457.370.504)	(210.463.745)	(246.906.763)	(163.605.384)
	(457.370.504)	(210.463.745)	(246.906.763)	(163.605.384)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	21.288.221.151	21.305.557.566		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			(17.336.414)	373.043.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con
Quỹ Đầu tư cơ hội Mirae Assets	Công ty con

Thông tin về các bên liên quan là thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Ban điều hành được trình bày tại phần Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, công cụ Mua dịch vụ	54.586.645.207 1.647.702.122	57.325.971.582 2.229.963.353
Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam (MAOF)	Công ty con	Góp vốn	-	40.000.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty không trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối kỳ của các khoản phải trả với bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</i>				
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	10.945.448.866	11.675.681.618
			10.945.448.866	11.675.681.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Hội Đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc			
Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	2.732.535.734	2.129.643.506
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch/Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.302.564.552	1.215.888.706
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	1.306.932.906	982.185.943
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT	43.200.000	43.200.000
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên HĐQT (đến ngày 28 tháng 4 năm 2022)	-	28.800.000
Ban kiểm soát			
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban	43.200.000	43.200.000
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên	43.200.000	43.200.000
		<u>5.514.833.192</u>	<u>4.529.318.155</u>

29. CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm		11.048.021.740	10.781.651.384
Từ 1 đến 5 năm		10.532.038.143	14.447.138.741
Trên 5 năm		5.317.325.195	-
TỔNG CỘNG		<u>26.897.385.078</u>	<u>25.228.790.125</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

		
Nguyễn Bảo Ngọc Người lập biểu Trưởng phòng tài chính kế toán	Yu Sung Dae Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính	Lee Jae Eun Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

